

Số: /QĐ-SNV

Kon Tum, ngày tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của Sở Nội vụ

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH KON TUM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 37/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum;

Căn cứ các Thông báo số 31/TB-SNV và 32/TB-SNV ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum Thông báo kết quả kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2021 của Phòng Hành chính - Tổng hợp Sở và Ban Tôn giáo trực thuộc Sở;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của Sở Nội vụ (Biểu số 08 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp Sở, Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Phòng HC-TH (đăng Website);
- Ban Tôn giáo (biết);
- CBCC, NLĐ Sở;
- Lưu: VT, HCTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Văn Minh

Biểu số 8

Đơn vị: Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum
Chương: 435

Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC
 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

CÔNG BỐ, CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- SNV ngày /03/2022 của Giám đốc Sở Nội vụ)

Đv tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc	
					Phòng HC - TH Sở	Ban Tôn giáo
1	2	3	4 =6+7	5=4-3	6	7
I	Nguồn ngân sách trong nước	22,000.404	22,000.404		19,388.115	2,612.289
1	Chi quản lý hành chính	15,815.765	15,815.765		13,203.477	2,612.289
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9,169.000	9,169.000		7,618.000	1,551.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6,646.765	6,646.765		5,585.477	1,061.289
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1,385.054	1,385.054		1,385.054	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,385.054	1,385.054		1,385.054	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế	4,799.584	4,799.584		4,799.584	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		-	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4,799.584	4,799.584		4,799.584	
-	<i>Kinh phí địa giới hành chính</i>	<i>130.064</i>	<i>130.064</i>		<i>130.064</i>	
-	<i>Kinh phí khen thưởng UBND tỉnh</i>	<i>4,669.520</i>	<i>4,669.520</i>		<i>4,669.520</i>	